

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
PETEC BÌNH ĐỊNH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC BÌNH ĐỊNH**

Địa chỉ: Số 389 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo,  
Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 32

## CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 389 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo,  
Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Petec Bình Định (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

#### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Huỳnh Đức Trường	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Phát	Phó Chủ tịch
Ông Lương Duy Văn	Ủy viên
Bà Đỗ Khoa Mỹ Linh	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Linh	Ủy viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Ánh	Trưởng ban
Ông Hoàng Anh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Phàn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Trọng Phát	Tổng Giám đốc
Ông Lương Duy Văn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Khoa Mỹ Linh	Phó Tổng Giám đốc

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC BÌNH ĐỊNH**  
Địa chỉ: Số 389 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo,  
Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh Miền Trung, thành viên của RSM Quốc tế.

#### CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Trọng Phát**  
Tổng Giám đốc  
Bình Định, ngày 29 tháng 03 năm 2018

Số: 53/BCKT/2018-RSMMT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC BÌNH ĐỊNH**

### **Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Petec Bình Định (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 05/03/2018 từ trang 5 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Petec Bình Định tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Petec Bình Định cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này theo Báo cáo kiểm toán số 450/2017/BCKT-AAC ngày 27 tháng 03 năm 2017.



**Trần Dương Nghĩa**  
**Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
1309-2018-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
**Chi nhánh Miền Trung**  
Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2018

**Kim Văn Việt**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
1486-2018-026-1

*Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*

**CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC BÌNH ĐỊNH**

Địa chỉ: Số 389 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo,  
Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B01 – DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>89.852.346.120</b>	<b>89.913.536.585</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>5.704.662.500</b>	<b>7.138.798.106</b>
1. Tiền	111	4.1	5.704.662.500	7.138.798.106
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>72.237.346.606</b>	<b>65.218.429.484</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	70.134.542.742	69.713.660.723
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	3.247.503.918	1.474.893.953
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	288.195.560	781.859.901
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(1.432.895.614)	(6.751.985.093)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.6</b>	<b>11.910.337.014</b>	<b>16.344.129.469</b>
1. Hàng tồn kho	141		11.910.337.014	16.344.129.469
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>1.212.179.526</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	-	156.004.392
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.056.175.134
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>25.350.120.008</b>	<b>27.170.608.595</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>22.248.305.387</b>	<b>23.655.485.861</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	21.347.657.387	22.754.837.861
Nguyên giá	222		46.599.558.957	46.491.887.957
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.251.901.570)	(23.737.050.096)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	900.648.000	900.648.000
Nguyên giá	228		900.648.000	900.648.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>4.10</b>	<b>1.344.356.641</b>	<b>1.349.852.909</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	7.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.479.064.524	5.479.064.524
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.134.707.883)	(11.129.211.615)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.757.457.980</b>	<b>2.165.269.825</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	1.757.457.980	2.165.269.825
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>115.202.466.128</b>	<b>117.084.145.180</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC BÌNH ĐỊNH**

Địa chỉ: Số 389 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo,  
Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B01 – DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>89.852.346.120</b>	<b>89.913.536.585</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>5.704.662.500</b>	<b>7.138.798.106</b>
1. Tiền	111	4.1	5.704.662.500	7.138.798.106
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>72.237.346.606</b>	<b>65.218.429.484</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	70.134.542.742	69.713.660.723
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	3.247.503.918	1.474.893.953
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	288.195.560	781.859.901
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(1.432.895.614)	(6.751.985.093)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.6</b>	<b>11.910.337.014</b>	<b>16.344.129.469</b>
1. Hàng tồn kho	141		11.910.337.014	16.344.129.469
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>1.212.179.526</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	-	156.004.392
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.056.175.134
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>25.350.120.008</b>	<b>27.170.608.595</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>22.248.305.387</b>	<b>23.655.485.861</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	21.347.657.387	22.754.837.861
Nguyên giá	222		46.599.558.957	46.491.887.957
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.251.901.570)	(23.737.050.096)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	900.648.000	900.648.000
Nguyên giá	228		900.648.000	900.648.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>4.10</b>	<b>1.344.356.641</b>	<b>1.349.852.909</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	7.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.479.064.524	5.479.064.524
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.134.707.883)	(11.129.211.615)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.757.457.980</b>	<b>2.165.269.825</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	1.757.457.980	2.165.269.825
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>115.202.466.128</b>	<b>117.084.145.180</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC BÌNH ĐỊNH**Địa chỉ: Số 389 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo,  
Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B01 – DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>49.711.956.898</b>	<b>52.438.961.820</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>48.555.956.162</b>	<b>50.533.852.084</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	1.058.944.737	6.904.910.278
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		48.336.253	35.261.638
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	2.537.505.049	2.855.014.440
4. Phải trả người lao động	314		1.413.356.164	1.867.535.260
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	1.474.071.435	2.072.486.034
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.14	41.587.214.505	36.533.236.415
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		436.528.019	265.408.019
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.156.000.736</b>	<b>1.905.109.736</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.13	1.156.000.736	1.905.109.736
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>65.490.509.230</b>	<b>64.645.183.360</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>4.15</b>	<b>65.490.509.230</b>	<b>64.645.183.360</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40.391.470.000	40.391.470.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.391.470.000	40.391.470.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(54.000.000)	(54.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.128.826.100	14.688.530.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.024.213.130	9.619.183.360
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		4.524.943.760	3.446.218.100
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.499.269.370	6.172.965.260
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>115.202.466.128</b>	<b>117.084.145.180</b>



Nguyễn Trọng Phát  
Tổng Giám đốc

Bình Định, ngày 05 tháng 03 năm 2018

Khổng Thị Hà  
Kế toán trưởng

Hồ Thị Phong Nguyệt  
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC BÌNH ĐỊNH**Địa chỉ: Số 389 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo,  
Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**Mẫu số B02 – DN****BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	686.130.890.987	669.517.070.466
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		686.130.890.987	669.517.070.466
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	649.519.297.461	629.214.619.934
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		36.611.593.526	40.302.450.532
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1.808.528.338	1.197.936.358
7. Chi phí tài chính	22	5.4	2.733.607.541	2.254.687.619
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		2.666.706.016	2.159.495.034
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	32.868.909.804	31.436.147.330
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	8.331.659.340	7.839.381.429
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.514.054.821)	(29.829.488)
11. Thu nhập khác	31	5.7	11.181.019.306	9.793.406.576
12. Chi phí khác	32	5.8	16.316.938	77.534.600
13. Lợi nhuận khác	40		11.164.702.368	9.715.871.976
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.650.647.547	9.686.042.488
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	1.151.378.177	1.983.077.228
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.499.269.370	7.702.965.260
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.11	1.114	1.502
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.12	1.114	1.502



Nguyễn Trọng Phát  
Tổng Giám đốc

Bình Định, ngày 05 tháng 03 năm 2018

Khổng Thị Hà  
Kế toán trưởng

Hồ Thị Phong Nguyệt  
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC BÌNH ĐỊNH**Địa chỉ: Số 389 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo,  
Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

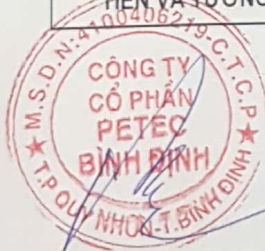
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B03 - DN


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

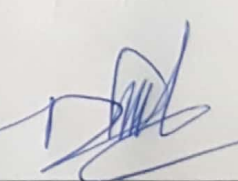
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.650.647.547	9.686.042.488
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.514.851.474	2.745.662.816
Các khoản dự phòng	03		874.833.939	923.973.189
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(12.725.787)	(5.497.310.613)
Chi phí lãi vay	06		2.666.706.016	2.159.495.034
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		10.694.313.189	10.017.862.914
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.832.079.659)	(14.403.556.146)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.433.792.455	2.942.411.530
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(7.151.051.086)	(4.710.337.422)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		563.816.237	(297.726.766)
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.666.706.016)	(2.159.495.034)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.983.077.228)	(327.629.109)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.463.250.000)	(1.278.367.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.404.242.108)	(10.216.837.033)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(107.671.000)	(72.727.272)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	6.231.693.727
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.725.787	20.400.034
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(94.945.213)	6.179.366.489
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	(54.000.000)
2. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	595.301.107.355	657.226.147.914
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(590.247.129.265)	(658.282.161.707)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(1.988.926.375)	(3.173.778.675)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		3.065.051.715	(4.283.792.468)
<b>LƯU CHUYỂN THUẬN TRONG NĂM</b>	50		(1.434.135.606)	(8.321.263.012)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		7.138.798.106	15.460.061.118
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	70		5.704.662.500	7.138.798.106

Nguyễn Trọng Phát  
Tổng Giám đốc

Bình Định, ngày 05 tháng 03 năm 2018

  
Khổng Thị Hà  
Kế toán trưởng

  
Hồ Thị Phong Nguyệt  
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC BÌNH ĐỊNH**

Địa chỉ: Số 389 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo,  
Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu B09 – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Petec Bình Định (tên viết tắt là PETEC BIDICO) (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Bình Định thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Định) thành Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định theo Quyết định số 35/2001/QĐ-UB ngày 14/05/2001 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Định và Quyết định số 98/QĐ-CPTM ngày 14/04/2007 đổi tên Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định thành Công ty Cổ phần Petec Bình Định của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định.

Công ty là đơn vị hạch toán độc lập hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 35030000114 ngày 15/05/2001 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 12 số 4100406219 ngày 25/10/2016, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Cổ phiếu Công ty chính thức giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2016 với mã chứng khoán GCB.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 12 ngày 25/10/2016 là 40.391.470.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty TMKT và ĐT - Công ty Cổ phần	Việt Nam	12.740.640.000	31,54	12.740.640.000	31,54
Các cổ đông khác	Việt Nam	27.650.830.000	68,46	27.650.830.000	68,46
<b>Cộng</b>		<b>40.391.470.000</b>	<b>100</b>	<b>40.391.470.000</b>	<b>100</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại: Số 389, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 83 người (31/12/2016: 89 người).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Thương mại và Dịch vụ.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Mua bán xăng dầu, mỡ phụ, khí dầu mỡ hóa lỏng và các phế phẩm từ dầu mỏ;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán hóa chất, phân bón, vật tư công, nông, ngư nghiệp, nguyên vật liệu phi kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua bán phương tiện vận tải;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán thức ăn gia súc, hàng nông sản;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, dây chuyền thiết bị đồng bộ. Mua bán hàng điện lạnh công nghiệp;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Mua bán hàng điện tử, viễn thông;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Mua bán hàng công nghệ phẩm, sữa và các sản phẩm từ sữa, nước giải khát, rượu, bia, mỹ phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đô thị, khu công nghiệp; cho thuê văn phòng, cửa hàng, ki ốt;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Tổ chức hội thảo, hội nghị, triển lãm quốc tế;
- Khách sạn;
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước uống tinh khiết, nước giải khát đóng chai;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú). Chi tiết: Sản xuất, gia công hàng may mặc;
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ du lịch, lữ hành nội địa và quốc tế;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn, lập dự án đầu tư mua sắm, đổi mới thiết bị công nghệ, lập hồ sơ mời thầu, đấu thầu và chọn thầu mua sắm thiết bị công nghệ;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào. Chi tiết: Bán buôn thuốc lá;
- Kinh doanh vận tải đường thủy, đường bộ bao gồm: vận chuyển khách du lịch, vận chuyển khách bằng xe buýt và taxi, vận chuyển hàng hóa; kinh doanh dịch vụ và mua bán sản phẩm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông. Chế biến thực phẩm đồ hộp, nông, lâm, thủy, hải sản.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 8 đơn vị trực thuộc (2 Chi nhánh và 6 Cửa hàng xăng dầu), được chi tiết như sau:

Tên	Địa chỉ
▪ Xí nghiệp Chế biến và Kinh doanh hàng tiêu dùng – Chi nhánh Công ty Cổ phần Petec Bình Định	Số 237 Đường Tây Sơn, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
▪ Chi nhánh Công ty Cổ phần Petec Bình Định	118/53A5 Bạch Đằng, Phường 24, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
▪ Cửa hàng Xăng dầu Trung Hậu	Đường Đào Tấn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
▪ Cửa hàng Xăng dầu Trung Hậu	Đường Hùng Vương, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
▪ Cửa hàng Xăng dầu Phước Lộc	Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định
▪ Cửa hàng Xăng dầu Phù Mỹ	Huyện Phù Mỹ, Tỉnh Bình Định
▪ Cửa hàng Xăng dầu Hoài Hảo	Huyện Hoài Nhơn, Tỉnh Bình Định

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

▪ Cửa hàng Xăng dầu Chợ Gồm

Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

**3.3. Đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư vốn dài hạn vào đơn vị khác***

***Đầu tư khác***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phân ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

***Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính***

*Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn*

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.

*Đối với các khoản đầu tư khác*

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.

**3.4. Nợ phải thu**

***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

***Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi***

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.5. Hàng tồn kho**

***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

***Phương pháp hạch toán hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

**3.6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

**Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

**Phương pháp khấu hao**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2017</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 40 năm
▪ Máy móc thiết bị	5 – 20 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 năm

**3.7. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

**Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu**

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

**Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình**

**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 1337, tờ bản đồ số 07 tại Xã Cát Hanh, Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định.

Quyền sử dụng đất không thời hạn không trích khấu hao.

**3.8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

**3.9. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**3.10. Chi phí đi vay**

***Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay***

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**3.11. Vốn chủ sở hữu**

***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

***Quỹ dự trữ***

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.12. Doanh thu, thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

**3.13. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**3.14. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu là chi phí đi vay vốn và chi phí ký quỹ.

**3.15. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác.

**3.16. Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

***Thuế giá trị gia tăng:***

- Áp dụng mức thuế suất 10%.

***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****3.17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng ban điều hành cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng ban điều hành cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.19. Công cụ tài chính*****Ghi nhận ban đầu******Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc và các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi thanh toán, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc và các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tiền mặt	394.505.708	976.885.918
Tiền gửi ngân hàng	5.310.156.792	6.161.912.188
<b>Cộng</b>	<b>5.704.662.500</b>	<b>7.138.798.106</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC BÌNH ĐỊNH**Địa chỉ: Số 389 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo,  
Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu khách hàng	44.709.709.457	41.979.024.178
Doanh nghiệp tư nhân Tân Hưng	-	1.956.722.155
Xí Nghiệp Kinh doanh DV Tổng hợp - Cảng Quy Nhơn	-	2.295.824.080
Công ty TNHH Đình Phát	-	1.745.256.510
Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Khánh	1.781.539.930	1.519.412.250
Doanh nghiệp tư nhân Hoài Thương	1.753.859.500	1.249.049.500
Công ty TNHH Nguyễn Khánh Sơn	2.094.577.060	899.971.280
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Duy Linh	1.065.518.000	904.287.000
Công ty TNHH SX TM và DV Như Yù	1.592.278.500	539.954.500
Công Ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hồng Thu	1.582.634.500	892.827.500
Các đối tượng khác	34.839.301.967	29.975.719.403
	25.424.833.285	27.734.636.545
Phải thu khách hàng là các bên liên quan - xem thêm mục 9		
<b>Cộng</b>	<b><u>70.134.542.742</u></b>	<b><u>69.713.660.723</u></b>

**4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Công ty Xi măng Nghi Sơn	653.463.531	90.642.234
Công ty Xi măng Phúc Sơn	500.061.437	161.687
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long	2.061.741.000	1.265.000.000
Các đối tượng khác	32.237.950	119.090.032
<b>Cộng</b>	<b><u>3.247.503.918</u></b>	<b><u>1.474.893.953</u></b>

**4.4. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	12.720.060	-	506.384.401	-
Nguyễn Thanh Thị	275.475.500	-	275.475.500	-
<b>Cộng</b>	<b><u>288.195.560</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>781.859.901</u></b>	<b><u>-</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC BÌNH ĐỊNH**Địa chỉ: Số 389 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo,  
Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.5. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán, khó có khả năng thu hồi	1.865.547.214	432.651.600	7.692.284.650	940.299.557
<b>Cộng</b>	<b>1.865.547.214</b>	<b>432.651.600</b>	<b>7.692.284.650</b>	<b>940.299.557</b>

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2017			Tại ngày 01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Doanh nghiệp tư nhân Vũ Trần	1.150.615.000	345.184.500	Từ 2 - 3 năm	1.150.615.000	575.307.500	Từ 1 - 2 năm
Doanh nghiệp tư nhân TM Hai Hiếu	284.570.000	-	Trên 3 năm	284.570.000	85.371.000	Từ 2 - 3 năm
Doanh nghiệp tư nhân TM Trung Hải	-	-	Trên 3 năm	1.144.177.000	-	Trên 3 năm
Doanh nghiệp tư nhân Tân Hưng	-	-	Trên 3 năm	1.956.722.155	-	Trên 3 năm
Doanh nghiệp tư nhân TM Lợi An Phú	-	-	Trên 3 năm	614.268.100	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH XD TM Nguyễn Phát	-	-	Trên 3 năm	219.985.000	-	Trên 3 năm
Vật liệu xây dựng Hải	-	-	Trên 3 năm	271.580.000	-	Trên 3 năm
Doanh nghiệp tư nhân Phi Yên	-	-	Trên 3 năm	277.619.520	-	Trên 3 năm
Các đối tượng khác	430.362.214	87.467.100		1.772.747.875	279.621.057	
<b>Cộng</b>	<b>1.865.547.214</b>	<b>432.651.600</b>		<b>7.692.284.650</b>	<b>940.299.557</b>	

Trong năm, Công ty đã xóa nợ cho một số đối tượng công nợ không có khả năng thu hồi từ nguồn dự phòng phải thu khó đòi đã trích các năm trước. Theo đó, tổng số dự phải thu đã được xóa nợ là 6.188.427.150 đồng.

**4.6. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	5.781.449.996	-	5.829.090.905	-
Hàng hóa	6.128.887.018	-	10.515.038.564	-
<b>Cộng</b>	<b>11.910.337.014</b>	<b>-</b>	<b>16.344.129.469</b>	<b>-</b>

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2017 là 0 đồng.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm 31/12/2017 là 0 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC BÌNH ĐỊNH**Địa chỉ: Số 389 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo,  
Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.7. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí bảo hiểm tài sản, bảo lãnh ngân hàng	-	156.004.392
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>156.004.392</b>
Dài hạn:		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	394.076.200	775.375.277
Chi phí sửa chữa, cải tạo	1.363.381.780	1.389.894.548
<b>Cộng</b>	<b>1.757.457.980</b>	<b>2.165.269.825</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC BÌNH ĐỊNH**

Địa chỉ: Số 389 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo,  
Thị trấn Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.8. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P/ tiện vận tài, truyền dẫn VND	T/bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2017	35.031.694.265	7.191.885.004	4.053.281.427	215.027.261	46.491.887.957
Phân loại lại	(404.842.339)	404.842.339	-	-	-
Mua trong năm	107.671.000	-	-	-	107.671.000
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>34.734.522.926</b>	<b>7.596.727.343</b>	<b>4.053.281.427</b>	<b>215.027.261</b>	<b>46.599.558.957</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2017	14.821.135.844	7.161.399.222	1.613.901.942	140.613.088	23.737.050.096
Phân loại lại	(77.037.660)	77.037.660	-	-	-
Khấu hao trong năm	1.041.754.382	72.493.478	358.841.547	41.762.067	1.514.851.474
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>15.785.852.566</b>	<b>7.310.930.360</b>	<b>1.972.743.489</b>	<b>182.375.155</b>	<b>25.251.901.570</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2017	20.210.558.421	30.485.782	2.439.379.485	74.414.173	22.754.837.861
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>18.948.670.360</b>	<b>285.796.983</b>	<b>2.080.537.938</b>	<b>32.652.106</b>	<b>21.347.657.387</b>

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31/12/2017 là 14.246.636.806 đồng.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 17.292.388.480 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC BÌNH ĐỊNH**Địa chỉ: Số 389 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo,  
Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.9. Tài sản cố định vô hình**

Giá trị Tài sản cố định vô hình (900.648.000 đồng) là quyền sử dụng đất không thời hạn tại thửa đất số 1337, tờ bản đồ số 07 tại Xã Cát Hanh, Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định. Diện tích: 1.080 m<sup>2</sup>; mục đích sử dụng: làm kho bãi phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

**4.10. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Tại ngày 31/12/2017			Tại ngày 01/01/2017		
	Tỷ lệ vốn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ vốn	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào Công ty con:</b>						
- Công ty TNHH MTV Du lịch Petec Bình Định (*)		-	-	100%	7.000.000.000	7.000.000.000
<b>Cộng</b>		<u>-</u>	<u>-</u>		<u>7.000.000.000</u>	<u>7.000.000.000</u>
<b>Đầu tư vào đơn vị khác:</b>						
Công ty CP Cà Phê Petec	0,97%	296.000.000	75.305.752	0,97%	296.000.000	70.622.512
Công ty CP XD Dầu khí Nam Định	0,13%	136.350.000	-	0,13%	136.350.000	-
Công ty CP Kho vận Petec	2,78%	2.000.000.000	2.000.000.000	2,78%	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty CP XM Hà Tiên 1	0,00%	137.524	-	0,00%	137.524	14.524
Công ty CP BĐS và KTXD Petec Land	5,22%	2.000.000.000	1.726.872.498	5,22%	2.000.000.000	1.726.872.498
TCT Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (PETEC)	0,02%	1.046.577.000	332.529.633	0,02%	1.046.577.000	331.702.081
<b>Cộng</b>		<u>5.479.064.524</u>	<u>4.134.707.883</u>		<u>5.479.064.524</u>	<u>4.129.211.615</u>

(\*) Công ty TNHH MTV Du lịch Petec Bình Định đã giải thể kể từ ngày 24/04/2017 theo Quyết định số 03/QĐ-CPPT ngày 24/04/2017 của Chủ sở hữu Công ty TNHH MTV Du lịch Petec Bình Định.

Công ty trích lập dự phòng đầu tư các khoản đầu tư tài chính dài hạn dựa trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của các Công ty nhận đầu tư.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC BÌNH ĐỊNH**Địa chỉ: Số 389 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo,  
Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán	1.058.944.737	1.058.944.737	6.728.191.978	6.728.191.978
Chi nhánh Công ty CP Xăng dầu, Dầu khí Phú Yên tại Bình Định	-	-	4.239.924.400	4.239.924.400
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Mặt Trời	307.500.000	307.500.000	336.363.636	336.363.636
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Đức Sơn Quảng Nam	399.750.000	399.750.000	-	-
Các đối tượng khác	351.694.737	351.694.737	1.151.903.942	1.151.903.942
Phải trả người bán là bên liên quan - xem thêm mục 9	-	-	176.718.300	176.718.300
<b>Cộng</b>	<b>1.058.944.737</b>	<b>1.058.944.737</b>	<b>6.904.910.278</b>	<b>6.904.910.278</b>

**4.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2017	Trong năm		Tại ngày 01/01/2017
	VND	Phải nộp	Phải nộp	Phải nộp
			Đã nộp/Khấu trừ	
Thuế GTGT	609.494.709	68.613.090.041	68.003.595.332	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.156.291.050	1.151.378.177	1.983.077.228	1.987.990.101
Thuế thu nhập cá nhân	182.158.951	271.448.101	261.743.056	172.453.906
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	589.560.339	1.202.488.780	1.307.498.874	694.570.433
Thuế môn bài	-	9.000.000	9.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.537.505.049</b>	<b>71.247.405.099</b>	<b>71.564.914.490</b>	<b>2.855.014.440</b>

**4.13. Phải trả khác**

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoàn	32.412.540	64.104.534
BHXH, BHYT, BHTN	30.000	16.539.185
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.161.845.358	1.131.198.233
Các khoản phải trả, phải nộp khác	279.783.537	860.644.082
<b>Cộng</b>	<b>1.474.071.435</b>	<b>2.072.486.034</b>
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược	1.156.000.736	1.905.109.736
<b>Cộng</b>	<b>1.156.000.736</b>	<b>1.905.109.736</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC BÌNH ĐỊNH**Địa chỉ: Số 389 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo,  
Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn:						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Quy Nhơn	41.587.214.505	41.587.214.505	595.301.107.355	590.247.129.265	36.533.236.415	36.533.236.415
	41.587.214.505	41.587.214.505	595.301.107.355	590.247.129.265	36.533.236.415	36.533.236.415
<b>Cộng</b>	<b>41.587.214.505</b>	<b>41.587.214.505</b>	<b>595.301.107.355</b>	<b>590.247.129.265</b>	<b>36.533.236.415</b>	<b>36.533.236.415</b>

**4.15. Vốn chủ sở hữu****4.15.1. Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	30.600.000.000	-	19.617.483.450	11.187.914.850	61.405.398.300
Tăng vốn trong năm trước	9.791.470.000	(54.000.000)	(9.791.470.000)	-	(54.000.000)
Lãi trong năm trước	-	-	-	7.702.965.260	7.702.965.260
Trích quỹ đầu tư, phát triển	-	-	4.862.516.550	(4.862.516.550)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(979.180.200)	(979.180.200)
Trích khen thưởng ban điều hành	-	-	-	(370.000.000)	(370.000.000)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	(3.060.000.000)	(3.060.000.000)
Tại ngày 01/01/2017	40.391.470.000	(54.000.000)	14.688.530.000	9.619.183.360	64.645.183.360
Lãi trong năm nay	-	-	-	4.499.269.370	4.499.269.370
Trích quỹ đầu tư, phát triển (*)	-	-	1.440.296.100	(1.440.296.100)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(1.080.222.000)	(1.080.222.000)
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành (*)	-	-	-	(554.148.000)	(554.148.000)
Chia cổ tức năm nay (*)	-	-	-	(2.019.573.500)	(2.019.573.500)
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>40.391.470.000</b>	<b>(54.000.000)</b>	<b>16.128.826.100</b>	<b>9.024.213.130</b>	<b>65.490.509.230</b>

(\*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2016 theo Nghị quyết ĐHCĐ ngày 25/05/2017.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC BÌNH ĐỊNH**Địa chỉ: Số 389 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo,  
Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.15.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn góp đầu năm	40.391.470.000	40.391.470.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
<b>Vốn góp cuối năm</b>	<b>40.391.470.000</b>	<b>40.391.470.000</b>

**4.15.3. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2017 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	4.039.147	4.039.147
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.039.147	4.039.147
- Cổ phiếu phổ thông	4.039.147	4.039.147
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.039.147	4.039.147
- Cổ phiếu phổ thông	4.039.147	4.039.147
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

**4.15.4. Cổ tức**

Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 25/05/2017 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2016 bằng tiền: 3.549.573.500 đồng. Ngày chốt quyền nhận cổ tức đợt 2 của năm 2016 là ngày 16/06/2017, thời gian chi trả cổ tức bắt đầu từ ngày 30/06/2017.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu xăng dầu	305.007.807.664	297.021.945.562
Doanh thu xi măng	285.691.639.564	269.158.309.449
Doanh thu công nghệ phẩm (thuốc lá)	92.023.628.920	97.855.542.687
Doanh thu cho thuê	1.711.315.499	5.469.454.586
Doanh thu hợp tác kinh doanh	1.696.499.340	11.818.182
<b>Cộng</b>	<b>686.130.890.987</b>	<b>669.517.070.466</b>

Trong đó, Doanh thu với các bên có liên quan -  
xem thêm mục 9

83.687.297.565	58.968.671.658
----------------	----------------

**CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC BÌNH ĐỊNH**Địa chỉ: Số 389 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo,  
Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn bán xăng dầu	291.295.998.531	281.598.150.168
Giá vốn bán xi măng	266.986.339.540	250.635.086.396
Giá vốn bán công nghệ phẩm (thuốc lá)	91.236.959.390	96.981.383.370
<b>Cộng</b>	<b><u>649.519.297.461</u></b>	<b><u>629.214.619.934</u></b>

**5.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.662.187	20.400.034
Nhận hỗ trợ lãi suất	391.627.520	457.050.730
Cổ tức từ các khoản đầu tư	3.063.600	-
Lãi bán hàng trả chậm	1.404.175.031	720.485.594
<b>Cộng</b>	<b><u>1.808.528.338</u></b>	<b><u>1.197.936.358</u></b>

**5.4. Chi phí tài chính**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	2.666.706.016	2.159.495.034
Chi phí lãi tài khoản ký quỹ	61.405.257	56.465.216
Dự phòng tổn thất đầu tư	5.496.268	38.727.369
<b>Cộng</b>	<b><u>2.733.607.541</u></b>	<b><u>2.254.687.619</u></b>

**5.5. Chi phí bán hàng**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	6.693.479.108	8.683.283.968
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng văn phòng	607.369.408	754.318.417
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.294.382.344	2.514.003.400
Thuế, phí và lệ phí	1.115.295.383	1.902.244.707
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.634.314.596	15.998.083.650
Chi phí bằng tiền khác	524.068.965	1.584.213.188
<b>Cộng</b>	<b><u>32.868.909.804</u></b>	<b><u>31.436.147.330</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên	2.881.063.369	2.989.515.521
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng văn phòng	813.128.642	1.041.345.292
Chi phí khấu hao TSCĐ	220.469.130	231.659.416
Thuế, phí và lệ phí	250.263.703	175.745.796
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	869.337.671	890.803.906
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.096.478.045	1.075.317.393
Chi phí bằng tiền khác	2.200.918.780	1.434.994.105
<b>Cộng</b>	<b>8.331.659.340</b>	<b>7.839.381.429</b>

**5.7. Thu nhập khác**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập từ nhận khuyến mãi, thưởng, hỗ trợ bán hàng	10.177.374.528	4.310.050.296
Lãi-từ thanh lý TSCĐ	-	97.272.727
Thu nhập từ bồi thường thu hồi đất	1.003.641.200	5.379.637.852
Các khoản thu nhập khác	3.578	6.445.701
<b>Cộng</b>	<b>11.181.019.306</b>	<b>9.793.406.576</b>

**5.8. Chi phí khác**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Xử lý công nợ	-	38
Phạt vi phạm hành chính	1.306.938	50.000.000
Chi phí khác	15.010.000	27.534.562
<b>Cộng</b>	<b>16.316.938</b>	<b>77.534.600</b>

**5.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.420.498.050	1.795.663.709
Chi phí nhân công	9.574.542.477	11.672.799.489
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.514.851.474	2.745.662.816
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.730.792.641	19.389.795.806
Chi phí khác bằng tiền	4.090.546.831	3.671.606.939
<b>Cộng</b>	<b>40.331.231.473</b>	<b>39.275.528.759</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC BÌNH ĐỊNH**Địa chỉ: Số 389 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo,  
Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.650.647.547	9.686.042.488
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	109.306.938	229.343.653
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	-	27.534.562
- Chi phí phạt thuế, phạt hành chính khác	1.306.938	50.000.000
- Thù lao thành viên HĐQT không chuyên trách	108.000.000	108.000.000
- Chi phí khấu hao xe ô tô nguyên giá trên 1,6 tỷ đồng	-	43.809.091
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm (Lãi cổ tức được chia)	3.063.600	-
Tổng thu nhập tính thuế	5.756.890.885	9.915.386.141
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.151.378.177</b>	<b>1.983.077.228</b>

**5.11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi/(Lỗ) sau thuế của cổ đông Công ty	4.499.269.370	7.702.965.260
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và khen thưởng ban điều hành	-	1.634.370.000
Lãi/(Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.499.269.370	6.068.595.260
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.039.147	4.039.147
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.114</b>	<b>1.502</b>

**5.12. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi/(Lỗ) sau thuế của cổ đông Công ty	4.499.269.370	7.702.965.260
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và khen thưởng ban điều hành	-	1.634.370.000
Lãi/Lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.499.269.370	6.068.595.260
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.039.147	4.039.147
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.039.147	4.039.147
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.114</b>	<b>1.502</b>

Lãi cơ bản và Lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2017 được tính từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối chưa trừ Quỹ khen thưởng, phúc lợi (do Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ chưa quy định cụ thể tỷ lệ trích quỹ này).

Lãi cơ bản và Lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2016 được tính từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trừ Quỹ khen thưởng, phúc lợi và khen thưởng ban điều hành theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 25/05/2017.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	595.301.107.355	657.226.147.914
<b>Cộng</b>	<b><u>595.301.107.355</u></b>	<b><u>657.226.147.914</u></b>

**6.2. Số tiền thực trả gốc vay trong năm**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền chi trả gốc vay theo kế ước thông thường	590.247.129.265	658.282.161.707
<b>Cộng</b>	<b><u>590.247.129.265</u></b>	<b><u>658.282.161.707</u></b>

**7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản vay, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Công ty.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Công ty có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.
- Rủi ro thị trường: Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường.

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Công ty. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC BÌNH ĐỊNH**Địa chỉ: Số 389 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo,  
Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
<b>Tài sản tài chính:</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.704.662.500	7.138.798.106
Đầu tư tài chính	1.344.356.641	1.349.852.909
Phải thu khách hàng	68.701.647.128	62.961.675.630
Phải thu khác	275.475.500	275.475.500
<b>Cộng</b>	<b>76.026.141.769</b>	<b>71.725.802.145</b>
<b>Công nợ tài chính:</b>		
Vay và nợ thuê tài chính	41.587.214.505	36.533.236.415
Phải trả người bán	1.058.944.737	6.904.910.278
Phải trả khác	2.597.629.631	3.896.952.051
<b>Cộng</b>	<b>45.243.788.873</b>	<b>47.335.098.744</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng:

	Vay và nợ VND	Các khoản Nợ phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	41.587.214.505	2.500.573.632	44.087.788.137
Trên 01 năm	-	1.156.000.736	1.156.000.736
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>41.587.214.505</b>	<b>3.656.574.368</b>	<b>45.243.788.873</b>

	Vay và nợ VND	Các khoản Nợ phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	36.533.236.415	8.896.752.593	45.429.989.008
Trên 01 năm	-	1.905.109.736	1.905.109.736
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>	<b>36.533.236.415</b>	<b>10.801.862.329</b>	<b>47.335.098.744</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC BÌNH ĐỊNH**Địa chỉ: Số 389 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo,  
Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****Rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất đối với các hợp đồng vay theo lãi suất thả nổi. Bảng dưới đây cung cấp chi tiết các khoản nợ theo từng loại lãi suất:

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Nợ tài chính		
Theo lãi suất thả nổi	41.587.214.505	36.533.236.415

**8. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là kinh doanh thương mại và bộ phận địa lý chính là Tỉnh Bình Định.

**9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan

- Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – Công ty Cổ phần (PETEC)
- Chi nhánh TCT Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư tại Bình Định
- Doanh nghiệp tư nhân Xăng dầu Quốc Bảo
- Chi nhánh Doanh nghiệp tư nhân Xăng dầu Quốc Bảo
- Công ty TNHH MTV Thương mại Quốc Bảo
- Công ty TNHH Xăng dầu, Thương mại và Đầu tư Quốc Bảo
- Chi nhánh Công ty TNHH Xăng dầu, Thương mại và Đầu tư Quốc Bảo
- Công ty TNHH Vận tải, Thương mại và Đầu tư Quốc Bảo
- Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

- Công ty đầu tư
- Đơn vị trực thuộc Công ty đầu tư
- Bên liên quan với Tổng Giám đốc
- Bên liên quan với Tổng Giám đốc
- Bên liên quan với Tổng Giám đốc
- Bên liên quan với Tổng Giám đốc
- Bên liên quan với Tổng Giám đốc
- Bên liên quan với Tổng Giám đốc
- Thành viên quản lý chủ chốt

**CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC BÌNH ĐỊNH**Địa chỉ: Số 389 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo,  
Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2017 số dư đối với các bên liên quan được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
<b>Phải thu khách hàng:</b>		
Công ty TNHH MTV Du lịch Petec Bình Định	-	1.134.579.420
Doanh nghiệp tư nhân Xăng dầu Quốc Bảo	-	5.099.707.506
Chi nhánh Doanh nghiệp tư nhân Xăng dầu Quốc Bảo	-	8.573.725.975
Công ty TNHH MTV Thương mại Quốc Bảo	10.644.297.884	12.926.623.644
Công ty TNHH Xăng dầu, Thương mại và Đầu tư Quốc Bảo	6.303.495.696	-
Chi nhánh Công ty TNHH Xăng dầu, Thương mại và Đầu tư Quốc Bảo	8.423.019.705	-
Công ty TNHH Vận tải, Thương mại và Đầu tư Quốc Bảo	54.020.000	-
<b>Cộng - Xem thêm thuyết minh số 4.2</b>	<b><u>25.424.833.285</u></b>	<b><u>27.734.636.545</u></b>
<b>Phải trả người bán:</b>		
Chi nhánh Tổng Công ty TMKT và ĐT tại Bình Định	-	176.718.300
<b>Cộng - Xem thêm thuyết minh số 4.11</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>176.718.300</u></b>

Các giao dịch trọng yếu đối với các bên liên quan phát sinh trong năm:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Mua hàng</b>	<b>27.255.300.045</b>	<b>52.266.410.790</b>
Chi nhánh Tổng Công ty TMKT và ĐT tại Bình Định	23.104.345.500	52.266.410.790
Công ty TNHH Vận tải, Thương mại và Đầu tư Quốc Bảo	4.150.954.545	-
<b>Bán hàng và CCDV - xem thêm Thuyết minh số 5.1</b>	<b>83.687.297.565</b>	<b>58.968.671.658</b>
Công ty TNHH MTV Du lịch Petec Bình Định	-	250.379.500
Công ty TNHH Vận tải, Thương mại và Đầu tư Quốc Bảo	143.146.364	144.382.038
Doanh nghiệp tư nhân Xăng dầu Quốc Bảo	3.188.001.800	17.544.437.548
Chi nhánh Doanh nghiệp tư nhân Xăng dầu Quốc Bảo	9.415.977.000	13.533.725.975
Công ty TNHH MTV Thương mại Quốc Bảo	24.725.158.400	27.495.746.597
Công ty TNHH Xăng dầu, Thương mại và Đầu tư Quốc Bảo	20.821.359.724	-
Chi nhánh Công ty TNHH Xăng dầu, Thương mại và Đầu tư Quốc Bảo	25.393.654.277	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC BÌNH ĐỊNH**Địa chỉ: Số 389 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo,  
Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thù lao HĐQT	264.000.000	264.000.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	874.000.000	764.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.138.000.000</b>	<b>1.028.000.000</b>

**10. THÙ LAO BAN KIỂM SOÁT**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thù lao Ban kiểm soát	96.000.000	96.000.000
<b>Cộng</b>	<b>96.000.000</b>	<b>96.000.000</b>

**11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

Nguyễn Trọng Phát  
Tổng Giám đốc

Bình Định, ngày 05 tháng 03 năm 2018

Không Thị Hà  
Kế toán trưởngHồ Thị Phong Nguyệt  
Người lập